TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
- Ngày: 26 - 8 - 2020
- V/v: " *Tranh chấp ly hôn* ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Danh Pì Sách.**
- *Các Hội Thẩm Nhân Dân*: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt;**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Trần Thị Huyền Trang -** *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thúy Kiều -** *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2018/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Danh Th T**, sinh năm: 1996 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V Đ, xã V H P, huyện C T, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Danh N**, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X X, xã B A, huyện C T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Danh Th T trình bày: Nguyên vào năm 2014 chị và anh Danh N có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống chị và anh N có một người con chung tên người con chung tên Danh Thị Thùy Trang, sinh ngày 14/4/2015 hiện đang sống với anh N. Về tài sản chung vợ chồng chị có tạo

lập được một số tài sản nhưng chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung, vợ chồng chị không có nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau với chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh N thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn chị và gia đình có khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Do đó chị và anh N đã ly thân với nhau từ tháng 3/2018 đến nay.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt nên chị làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho chị như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Danh N.

- Về con chung: Đồng ý giao người con chung tên Danh Thị Thùy Trang, sinh ngày 14/4/2015 cho anh Nang tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Danh N trình bày: Vào năm 2014 anh và chị Danh Thị T chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng anh và chị Th không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 người con chung tên Danh Thị Thùy Trang, sinh ngày 14/4/2015 hiên đang sống cùng anh. Về tài sản chung vợ chồng anh có tạo lập được một số tài sản nhưng anh N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng anh sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau với chồng anh thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Do đó vợ chồng anh đã ly thân với nhau từ tháng 3/2018 đến nay.

Nay chị Thu làm đơn xin ly hôn với anh thì ý kiến của anh như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Danh Thị Th.

- Về việc nuôi con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Danh Thị Thùy Trang, sinh ngày 14/4/2015, không yêu cầu chị Thu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Danh Thị Th

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Về thẩm quyền: Chị Danh Thị T xin được ly hôn với anh Danh N nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Danh Thị Th và anh Danh N trình bày: Vào năm 2014 chị Th và anh N yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Và tại biên bản xác nhận ngày 31/01/2020 của UBND xã V H P xác nhận từ năm 2016 đến nay chị Th không có đăng ký kết hôn tại UBND xã là thật. Nên hôn nhân giữa chị Thu và anh Nang không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *" Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền,*

nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Từ những căn cứ trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa chị Danh Thị Th và anh Danh N là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Danh Thị Th và anh Danh N xác định trong quá trình chung sống anh chị có với nhau 01 người Danh Thị Thùy Trang, sinh ngày 14/4/2015 hiện đang sống cùng với anh Nang. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Th và anh N, chị T đồng ý giao người con chung tên Danh Thị Thùy Trang, sinh ngày 14/4/2015 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, xét sự thỏa thuận này là hợp pháp nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Danh Thị Th và anh Danh N xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết (miễn xét).

[5] Về quan hệ nợ chung: Chị Danh Thị T và anh Danh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (miễn xét).

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Buộc chị Danh Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002155 , ngày 05 – 02 - 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 53, 57, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị T

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa Danh Thị T và anh Danh N là vợ chồng

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Danh Thị Th và anh Danh N, chị Th đồng ý giao người con chung tên Danh Thị Thùy Trang, sinh ngày 14/4/2015 cho anh Nang tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nang không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con vì anh N xác định anh có điều kiện.

Chị T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Danh Thị T và anh Danh N xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết (miễn xét).

4. Về quan hệ nợ chung: Chị Danh Thị T và anh Danh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (miễn xét).

5. Về án phí: Buộc chị Danh Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002155, ngày 05 - 02 - 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.